UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊUTÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH QUÝ I NĂM 2020 CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày / /2020 của Sở Tài chính Trà Vinh)

ĐVT: Triệu đồng

Tên DN/ Chỉ tiêu	Số đầu kỳ										
	Tổng tài sản	Vốn CSH	Vốn điều lệ	Vốn góp của Nhà nước	Tổng doanh thu	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Lỗ lũy kế	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp	Thuế GTGT	Thuế TTĐB	Thuế TNDN
Doanh nghiệp độc lập thuộc địa phương											
1. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh	41.479	25.619	17.500	11.200	-	-	-	7.475	902	-	(34)
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh	316.942	165.847	145.978	120.196	98.312	15.576	-	15.320	695	-	3.126
Cộng	358.421	191.466	163.478	131.396	98.312	15.576	-	22.795	1.597	-	3.092

		Số phát sinh trong kỳ											
Cổ tức lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước (nếu có)	**Các khoản thuế, phí phải nộp khác**	**Tổng tài sản**	**Vốn CSH**	**Vốn điều lệ**	**Vốn góp của Nhà nước**	**Tổng doanh thu**	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**	**Lỗ lũy kế**	**Thuế và các khoản phát sinh phải nộp**	**Thuế GTGT**	**Thuế TTĐB**	**Thuế TNDN**	**Cổ tức lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước (nếu có)**
-	6.607					-	-	-	990	750	-	202	-
-	11.499	314.397	170.437	145.979	120.197	25.092	5.739	-	4.230	0	-	1.149	-
-	18.106	314.397	170.437	145.979	120.197	25.092	5.739	-	5.220	750	-	1.351	-

	Số cuối kỳ											
Các khoản thuế, phí phải nộp khác	**Tổng tài sản**	**Vốn CSH**	**Vốn điều lệ**	**Vốn góp của Nhà nước**	**Tổng doanh thu**	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**	**Lỗ lũy kế**	**Thuế và các khoản phát sinh phải nộp**	**Thuế GTGT**	**Thuế TTĐB**	**Thuế TNDN**	**Cổ tức lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước (nếu có)**
38	37.288	29.430	17.500	11.200	14.552	4.012	-	2.416	722	-	118	-
3.081	314.397	170.437	145.979	120.196	25.092	5.739	-	4.230	-	-	1.149	-
3.119	351.685	199.867	163.479	131.396	39.644	9.751	-	6.646	722	-	1.267	-

	Lũy kế đến kỳ báo cáo												
Các khoản thuế, phí phải nộp khác	**Tổng tài sản**	**Vốn CSH**	**Vốn điều lệ**	**Vốn góp của Nhà nước**	**Tổng doanh thu**	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**	**Lỗ lũy kế**	**Thuế và các khoản phát sinh phải nộp**	**Thuế GTGT**	**Thuế TTĐB**	**Thuế TNDN**	**Cổ tức lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước (nếu có)**	**Các khoản thuế, phí phải nộp khác**
1.576	37.288	29.430	17.500	11.200	14.552	4.012	-	6.049	930	-	50	-	5.069
3.081	314.397	170.437	145.979	120.197	25.092	5.739	-	4.230	0	-	1.149	-	3.081
4.657	351.685	199.867	163.479	131.397	39.644	9.751	-	10.279	930	-	1.199	-	8.150